



# GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG MẤT CÂN ĐỐI TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Lê Phan Ái Nhân  
 ĐH Ngân hàng TP.HCM

**M**ục tiêu của bài viết là phân tích thực trạng mất cân đối trong hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài dựa trên năm tiêu chí: cơ cấu FDI theo hình thức đầu tư, theo địa bàn đầu tư, theo lĩnh vực đầu tư, theo đối tác đầu tư và tỷ lệ vốn FDI thực hiện so với vốn FDI đăng ký. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất những giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề bất cập, khắc phục tình trạng mất cân đối trong hoạt động FDI, hướng tới xây dựng một chiến lược thu hút FDI mới theo hướng phát triển bền vững. Nguồn số liệu sử dụng trong phân tích là số liệu thứ cấp lấy từ các báo cáo, trang web của Tổng cục Thống kê, Cục Đầu tư Nước ngoài giai đoạn 1988 - 10/2011.

## Đặt vấn đề

Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam: năm 2010, vốn FDI chiếm 25,8% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, đóng góp 18,7% vào GDP, chiếm 53,1% tổng xuất khẩu cả nước, tạo ra việc làm cho 1,9 triệu lao động trực tiếp và hàng triệu lao động gián tiếp khác. Tuy nhiên, bên cạnh những đóng góp tích cực, hoạt động FDI còn bộc lộ khá nhiều hạn chế, những vấn đề ảnh hưởng tiêu cực đến tính bền vững của tăng trưởng và chất lượng cuộc sống của người dân; trong đó nổi bật là sự mất cân đối trong hoạt động đầu tư FDI.

## Sơ lược lý thuyết

Hiện nay, có nhiều định nghĩa khác nhau về FDI.

Tại Việt Nam, Luật Đầu tư 2005 chỉ đưa ra các khái niệm về “đầu tư trực tiếp” (Khoản 2, Điều 3) và “đầu tư nước ngoài” (Khoản 12, Điều 3). Theo đó, khái niệm hoàn chỉnh về “đầu tư trực tiếp nước ngoài” có thể được tổng hợp từ các khái niệm trên như sau: đầu tư trực tiếp nước ngoài là hình thức đầu tư do nhà đầu tư (NĐT) nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành hoạt động đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư.

FDI đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia thông qua những đóng góp sau đây: bổ sung nguồn vốn đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển xã hội và tăng trưởng kinh tế; đóng góp vào nguồn thu ngân sách nhà nước và các

cân đối vĩ mô; tác động lan tỏa đến các thành phần kinh tế khác; thúc đẩy chuyển giao công nghệ và bí quyết quản lý; tạo công ăn việc làm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, FDI cũng đã tạo ra không ít tác động tiêu cực đối với quốc gia nhận đầu tư như sự phát triển không đồng đều giữa các ngành, các vùng và các khu vực kinh tế; tình trạng lũng đoạn thị trường của NĐT nước ngoài và cạnh tranh không cân sức giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI; tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng...

Sự mất cân đối trong hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài có thể được đánh giá dựa trên năm tiêu chí cơ bản: cơ cấu FDI theo hình thức đầu tư, cơ cấu FDI theo địa bàn đầu tư, cơ cấu FDI theo lĩnh vực đầu tư, cơ cấu

FDI theo đối tác đầu tư, tỷ lệ vốn FDI thực hiện so với vốn FDI đăng ký.

**Thực trạng mất cân đối trong hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam**

**Thứ nhất, theo hình thức đầu tư**

Tính đến tháng 10/2011, sự mất cân đối trong cơ cấu các hình thức đầu tư FDI được thể hiện bởi sự áp đảo của hình thức 100% vốn đầu tư nước ngoài cả về số dự án lẫn giá trị đầu tư (chiếm 77,43% về số dự án và 61,72% tổng vốn đăng ký). Trong khi đó, hình thức liên doanh thịnh hành cho đến giữa thập kỷ 90, nay chỉ chiếm 19,38% về số dự án và 30,35% tổng vốn đăng ký. Điều này một mặt thể hiện NĐT nước ngoài ngày càng am hiểu về môi trường đầu tư và pháp luật của Việt Nam, nhưng mặt khác lại chứng tỏ những điểm bất cập trong hình thức liên doanh (khả năng góp vốn và trình độ quản lý của đối tác Việt Nam, khác biệt văn hóa, bất đồng ý kiến...) khiến hình thức này trở nên kém hấp dẫn. Sự chênh lệch trong thu hút vốn FDI giữa hai hình thức này có thể tác động đến khả năng tiếp thu kinh nghiệm quản lý kinh doanh và công nghệ từ đối tác nước ngoài bởi vì nếu so sánh giữa hai hình thức thì hình thức liên doanh có hiệu

quả hơn về chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm quản lý (Trần Văn Thọ, 2005).

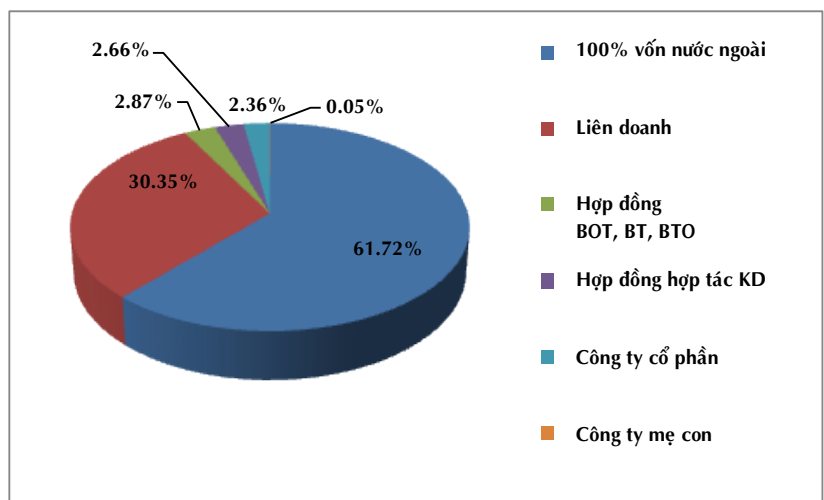
Ngoài ra, các hình thức đầu tư BOT, BTO, BT hiện chỉ có 14 dự án đang triển khai với vốn đăng ký chiếm 2,87%, tương đối thấp so với nhu cầu của nền kinh tế bởi theo ước tính, nhu cầu đầu tư cho cơ sở hạ tầng của Việt Nam lên tới 16 tỷ USD/năm trong khi khả năng đáp ứng của nhà nước chỉ khoảng 7-8 tỷ USD (Đức Thắng, 2010).

**Thứ hai, theo địa bàn đầu tư**

Cho đến nay, FDI đã có mặt ở tất cả 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Tuy nhiên, cơ cấu FDI theo vùng còn mất cân đối và phân bổ không đồng đều. Phần lớn các dự án FDI chỉ tập trung ở các trung tâm kinh tế, nơi có điều kiện hạ tầng thuận lợi, nguồn lao động dồi dào, có trình độ và

hiều lợi thế khác. Cụ thể, FDI tập trung nhiều nhất ở vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ (chiếm tới 45,48% lượng vốn FDI của cả nước), tiếp đến là vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (chiếm 24,95%), vùng Đồng bằng sông Hồng (chiếm 21,73%). Các vùng còn lại thu hút được lượng vốn FDI rất thấp: Đồng bằng sông Cửu Long (chiếm 4,84%); Trung du và miền núi phía Bắc (chiếm 1,38%) và Tây Nguyên (chiếm 0,38%). Có thể nói, sự mất cân đối trong thu hút FDI theo địa bàn đầu tư một mặt thể hiện sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa các vùng miền, mặt khác cũng cảnh báo khả năng gia tăng sự chênh lệch trong phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương đó. Tình trạng mất cân đối nêu trên được giải thích là do: (i) Lợi thế cạnh tranh của mỗi vùng miền là khác nhau dẫn tới khả năng thu hút

**Biểu đồ 1: Cơ cấu vốn FDI đăng ký phân theo hình thức đầu tư giai đoạn 1988-10/2011**



Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài (2011)



FDI khác nhau; (ii) Các tỉnh, thành ở những vùng còn nhiều khó khăn thường chú trọng thu hút NĐT bằng các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư (ưu đãi giá thuê đất, áp dụng “một dấu, một cửa”, cấp giấy phép nhanh hay nộp hồ sơ đầu tư qua mạng...) nhưng lại chưa đặt đúng tầm quan trọng của nhiệm vụ phát triển cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực. Trong khi đó, theo Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) 2010, có đến 88% NĐT không coi các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư là yếu tố then chốt ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của họ.

**Thứ ba, theo lĩnh vực đầu tư**

Tính đến tháng 10/2011, các NĐT nước ngoài đã đầu

tư vào 18/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến và chế tạo vẫn là lĩnh vực thu hút nhiều vốn FDI nhất (Bảng 1). Điều đáng lưu ý là tuy FDI tập trung nhiều vào lĩnh vực này nhưng ngành công nghiệp Việt Nam vẫn chưa cải thiện được trình độ công nghệ, giá trị gia tăng thấp, năng lực cạnh tranh hạn chế. Trong những năm gần đây, ngành kinh doanh bất động sản ngày càng được nhiều NĐT quan tâm, đứng thứ hai trong thu hút FDI. Nông, lâm nghiệp; thủy sản tuy là ngành thế mạnh của nước ta nhưng lại là ngành thu hút được rất ít vốn FDI do nhiều nguyên nhân: hoạt động kinh doanh nông nghiệp tiềm ẩn nhiều rủi ro, lợi nhuận thấp; nền nông nghiệp Việt Nam nhìn chung quy mô nhỏ, manh

mún, thiếu liên kết; chính sách thu hút FDI vào nông nghiệp chưa thực sự hấp dẫn...

Tóm lại, những dự án FDI thường tập trung vào những ngành có khả năng sinh lợi cao và sinh lợi ngay, khai thác được những lợi thế so sánh vốn có của Việt Nam (tài nguyên phong phú, nhân lực giá rẻ...). Trong khi đó, những lĩnh vực cần phát triển ưu tiên như hạ tầng giao thông, năng lượng, công nghệ cao... lại chưa có cơ chế ưu đãi thực sự hấp dẫn nên chưa thu hút được nhiều vốn FDI. Điều này góp phần dẫn tới sự mất cân đối giữa các ngành, các lĩnh vực trong nền kinh tế (CIEM, 2009).

**Thứ tư, theo đối tác đầu tư**

Các số liệu ở Bảng 2 cho thấy thu hút đầu tư FDI tập trung

**Bảng 1: FDI tại Việt Nam phân theo ngành kinh tế, tính đến 20/8/2011**

Chuyên ngành	Dự án FDI		Vốn FDI đăng ký	
	Số dự án	Tỷ trọng (%)	Giá trị(triệu USD)	Tỷ trọng (%)
Công nghiệp chế biến,chế tạo	7.914	58,91	101.184	49,55
Kinh doanh bất động sản	368	2,74	46.574	22,81
Xây dựng	809	6,02	11.959	5,86
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	312	2,32	11.809	5,78
Sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa	68	0,51	7.396	3,62
Thông tin và truyền thông	695	5,17	5.233	2,56
Nghệ thuật và giải trí	128	0,95	3.636	1,78
Vận tải kho bãi	312	2,32	3.240	1,59
Nông, lâm nghiệp; thủy sản	492	3,66	3.185	1,56
Khai khoáng	69	0,51	2.975	1,46
Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa	633	4,71	1.862	0,91
Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	75	0,56	1.322	0,65
Y tế và trợ giúp xã hội	73	0,54	1.015	0,50
Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ	1.099	8,18	844	0,41
Dịch vụ khác	111	0,83	713	0,35
Cấp nước, xử lý chất thải	26	0,19	709	0,35
Giáo dục và đào tạo	148	1,10	352	0,17
Hành chính và dịch vụ hỗ trợ	103	0,77	188	0,09

Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài (2011)

**Bảng 2: FDI tại Việt Nam phân theo đối tác đầu tư, tính đến 20/10/2011**

Thứ hạng đối tác	Đối tác	Số dự án (còn hiệu lực)	Tổng vốn FDI đăng ký (triệu USD)
1	Hàn Quốc	3.060	23.463
2	Đài Loan	2.204	23.380
3	Singapore	968	23.345
4	Nhật Bản	1.623	22.386
5	Malaysia	392	19.148
6	BritishVirginIslands	494	14.847
7	Hoa Kỳ	593	11.642
8	Hồng Kông	650	10.906
9	Cayman Islands	53	7.498
10	Thái Lan	264	5.752

Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài (2011)

nhiều vào 10 quốc gia (trong tổng số 94 quốc gia đầu tư vào Việt Nam) với 10.301 dự án (chiếm 76,67%) và tổng số vốn đăng ký là 162,4 tỷ USD (chiếm 79,52%), trong đó có tới 7 quốc gia thuộc châu Á mà dẫn đầu là Hàn Quốc và Đài Loan với trình độ khoa học công nghệ ở mức trung bình trên thế giới. Cũng theo danh sách top 10 này, chỉ có Mỹ và Nhật Bản là các nước phát triển, trong khi đó một số đối tác phát triển khác như Pháp, Vương quốc Anh, Đức, Italia... thì lượng vốn còn tương đối hạn chế. Đây là một thiệt thòi lớn, hạn chế khả năng tiếp thu công nghệ nguồn và trình độ quản lý tiên tiến, những hiệu ứng tích cực nhất của FDI đối với Việt Nam sẽ không cao.

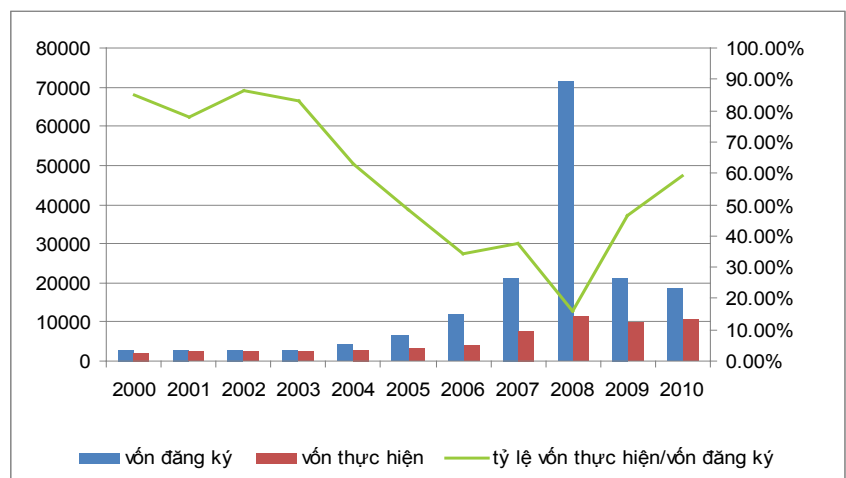
**Thứ năm, tỷ lệ vốn thực hiện so với vốn đăng ký**

Mặc dù lượng vốn FDI đăng ký được công bố khá cao, song sự

chênh lệch giữa số đăng ký và số thực hiện cũng khá lớn. Năm 2008, mặc dù lượng vốn đăng ký đạt mức kỷ lục (71,7 tỷ USD), nhưng tỷ lệ vốn thực hiện/vốn đăng ký chỉ có 16%, thấp nhất trong vòng 20 năm trở lại đây. Trong giai đoạn 2009-2010, tỷ lệ này tăng lên, đạt 52,85%.

Trên thực tế, tình hình triển khai hoạt động của

**Hình 1: Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam giai đoạn 2000-2010**



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2011)

các dự án có vốn đầu tư FDI còn chậm, có hiện tượng một số dự án với số vốn đầu tư mỗi dự án lên vài tỷ USD, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch nghỉ dưỡng, bất động sản... sau khi được cấp giấy phép chậm triển khai so với đăng ký ban đầu, thậm chí là không triển khai được. Theo kết quả rà soát về việc giải ngân vốn FDI trên toàn quốc của Bộ Kế hoạch – Đầu tư, có tới 80% đất đai tại các địa phương được cấp phép cho NĐT nhưng chưa triển khai thực hiện (Hoàng Phúc, 2010). Nguyên nhân dẫn đến sự mất cân đối giữa vốn đăng ký và vốn thực hiện bao gồm: (i) Công tác cấp phép, thẩm định các dự án đầu tư khá dễ dãi; (ii) Chế tài xử phạt không đủ tính răn đe; (iii) Công tác thanh tra, giám sát của các cơ quan chức năng chưa chặt chẽ, các cấp quản lý chưa quan tâm thỏa đáng trong hỗ trợ các NĐT triển khai dự án.



**Các giải pháp khắc phục tình trạng mất cân đối trong hoạt động FDI tại Việt Nam**

**Thứ nhất, đối với hình thức đầu tư:** để giảm sự mất cân đối về hình thức đầu tư, rõ ràng chúng ta không thể ngăn cấm hay có những hình thức cản trở việc các NĐT thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, thay vào đó, phải tìm cách làm tăng tính hấp dẫn của các hình thức đầu tư khác trong mắt các NĐT. Cụ thể là: (i) Đối với hình thức liên doanh, về phía doanh nghiệp trong nước, cần xây dựng một chiến lược có tính định hướng rõ ràng trong dài hạn, khắc phục sự thiếu

hụt về nguồn vốn và nâng cao năng lực quản lý. (ii) Đối với hình thức hợp đồng BOT, BT, BTO, cần hoàn thiện cơ chế khuyến khích đầu tư dưới các hình thức này (tiến hành minh bạch công tác đấu thầu...)

**Thứ hai, đối với địa bàn đầu tư:** để tăng cường thu hút FDI tại những vùng còn nhiều khó khăn, bên cạnh các chính sách ưu đãi đầu tư, đòi hỏi phải tăng cường đầu tư xây dựng nhanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, điện, nước; chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng nhu cầu của các NĐT. Đặc biệt, chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực

cần được xây dựng sao cho mỗi tỉnh có thể phát huy cao nhất lợi thế của địa phương mình. Ví dụ, Đồng bằng sông Cửu Long - với tiềm năng phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản - cần đầu tư vào phát triển các công trình thủy lợi, hệ thống kho chứa nông sản... Ngoài ra, cần xây dựng chiến lược liên kết vùng miền, trong đó tập trung phát triển mạnh những ngành, lĩnh vực mà các tỉnh, thành phố có lợi thế để tạo động lực và tạo đà cho sự phát triển chung của toàn khu vực.

**Thứ ba, đối với lĩnh vực đầu tư:** (i) Đối với lĩnh vực nông nghiệp, nhà nước cần hoàn thiện cơ chế, chính

sách về khuyến khích, hỗ trợ FDI vào nông nghiệp (trong đó chú ý các chính sách về ưu đãi vốn, tín dụng, thuế, đất đai...); cần có sự hỗ trợ mạnh hơn nữa trong việc phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ nông, lâm nghiệp; chú trọng đào tạo nghề cho khu vực nông thôn bằng nguồn vốn ngân sách, các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, viện trợ phi Chính phủ; (ii) Đối với lĩnh vực bất động sản, cần chặt chẽ hơn trong công tác thẩm định, cấp phép đầu tư, chỉ khuyến khích các dự án nào mang lại lợi ích, tác động tốt cho xã hội; (iii) Đối với các ngành công nghệ cao, cần hoàn thiện cơ chế thu hút FDI (đơn giản hóa các tiêu chí đánh giá công nghệ cao, phù hợp với chuẩn mực quốc tế; thực hiện tốt vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; ưu đãi thuế, hỗ trợ tài chính đối với dự án phát triển công nghệ mới...).

**Thứ tư, đối với đối tác đầu tư:** quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước đòi hỏi phải chú trọng nhiều hơn nữa vào việc thu hút FDI từ các đối tác tiềm năng lớn như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản vì các đối tác này sẽ cung cấp không chỉ lượng vốn dồi dào mà còn cả công nghệ nguồn hoặc gần nguồn. Để thực hiện điều này, cần đổi mới công tác xúc tiến đầu tư: tăng cường các đoàn vận động, thu hút đầu tư theo phương thức làm việc

trực tiếp với các tập đoàn đa quốc gia; thiết kế chính sách riêng biệt, cụ thể đối với từng tập đoàn và các đối tác trọng điểm như các quốc gia thành viên EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản...; chủ động tiếp cận và hỗ trợ các NĐT tiềm năng có nhu cầu đầu tư vào Việt Nam.

**Thứ năm, đối với tỷ lệ vốn thực hiện so với vốn đăng ký:** (i) Nâng cao chất lượng công tác thẩm định các dự án đầu tư (thiết lập các tiêu chí thẩm định chặt chẽ, rõ ràng về năng lực tài chính của NĐT, tính hiệu quả của dự án, khả năng đáp ứng các điều kiện mà dự án yêu cầu...); (ii) Thường xuyên tiến hành rà soát thực trạng của các dự án đã cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn, đồng thời có hướng xử lý kịp thời đối với từng loại dự án. Nếu nguyên nhân chậm triển khai liên quan tới giao đất, thủ tục hành chính, phê duyệt quy hoạch, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực... thì cơ quan chức năng cần phối hợp với doanh nghiệp chủ động tháo gỡ. Ngược lại, đối với trường hợp NĐT không đủ năng lực tài chính, các dự án kéo dài, kém hiệu quả, cần sớm thu hồi giấy chứng nhận đầu tư để tạo cơ hội cho các NĐT có tiềm năng khác<sup>■</sup>

#### Tài liệu tham khảo

1. Phòng Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam – VCCI (2011). *Dự án sáng kiến cạnh tranh Việt Nam (USAID/*

*VNCI). Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam năm 2010, Hà Nội.*

2. Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương - CIEM (2009). *Nâng cao hiệu quả thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, Hà Nội.*

3. Tổng cục Thống kê (2011). *Niên giám thống kê 2010 (tóm tắt). Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.*

4. Trần Văn Thọ (2005). *Biến động kinh tế Đông Á và con đường công nghiệp hóa Việt Nam. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.*

5. Cục Đầu tư Nước ngoài (2011). *Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 10 tháng năm 2011. <http://fia.mpi.gov.vn/News.aspx?ctl=newsdetail&aID=1120>.*

6. Hoàng Phúc (2010). *Câu chuyện thu hút FDI và hiệu quả đầu tư. <http://www.taichinhdientu.vn/Home/Cau-chuyen-thu-hut-FDI-va-hieu-qua-dau-tu/20105/87310.dfis>.*

7. Đức Thắng (2010). *Mở cửa cho PPP các dự án giao thông. <http://xaydungbg.com/diendan/showthread.php?p=53443>.*